

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



BÙI NGỌC CHUNG

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC
KINH DOANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM,
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Thị Huệ**

Phản biện 1: **PGS.TS Ngô Thị Hương**

Phản biện 2: **TS Lê Thị Nga**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật – Đại học Huế

Vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 16 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Cơ cấu của luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH	4
1.1. Một số vấn đề lý luận về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh.....	4
1.1.1. Khái niệm hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh	4
1.1.2. Đặc điểm hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh	5
1.1.3. Các loại hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh.....	6
1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh.....	6
1.1.4.1. Sự phát triển kinh tế xã hội	6
1.1.4.2. Yếu tố chính trị	6
1.1.4.3. Yếu tố pháp luật.....	7
1.2. Khái quát pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh.....	7
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh.....	7
1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh	7
1.2.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh.....	7
1.2.2. Nguyên tắc áp dụng luật trong điều chỉnh quan hệ hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam	8
1.2.3. Quy định điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh	8
1.2.3.1. Quy định của WTO về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh	8
1.2.3.2. Quy định của CPTPP về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh: Hiệp định CPTPP chính thức được ký kết tại Chile. Tham gia lễ ký có đại diện 11 quốc gia gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam.	9
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ	9
2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh.....	9
2.1.1. Chủ thể giao kết hợp đồng kinh doanh bảo hiểm	9
2.1.1.1. Bên bán bảo hiểm	9
2.1.1.2. Bên mua bảo hiểm.....	10

2.1.2. Hình thức của hợp đồng bảo hiểm và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm	10
2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh	10
2.2.1. Hiệu lực của hợp đồng kinh doanh bảo hiểm.....	10
2.2.1.1. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng	10
2.2.1.2. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.....	11
2.2.1.3. Hợp đồng vô hiệu và xử lý hậu quả	12
2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tại tỉnh Quảng Trị	13
2.3.1. Thành tựu thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm	13
2.3.2. Những tồn tại, hạn chế của hệ thống pháp luật và thực tiễn áp dụng về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị	13
2.3.2.1. Quy định về ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, hạn chế trực lợi bảo hiểm của đại lý bảo hiểm do thể chế chưa rõ ràng gây khó khăn khi áp dụng.....	13
2.3.2.2. Tranh chấp doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh hiện nay đang diễn ra theo chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp.....	16
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	19
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH.....	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh.....	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh	21
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị	22
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	24
KẾT LUẬN.....	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Sau gần 19 năm triển khai thực hiện Luật Kinh doanh bảo hiểm (Luật KDBH) được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09/12/2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011. Từ đó cho đến nay, Luật KDBH đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm; góp phần thúc đẩy và duy trì sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Tuy nhiên, qua thực tiễn cho thấy vẫn còn có một số bất cập, vướng mắc từ quy định của Luật KDBH, gây khó khăn và trong nhiều trường hợp chưa bảo vệ quyền và lợi ích của người tham gia bảo hiểm (bên mua bảo hiểm). Đối tượng được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm con người là tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và sự an toàn của con người. Trong khi đó, đối tượng được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tài sản là tài sản, bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản. Còn đối tượng được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự là trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm đối với người thứ ba theo quy định của pháp luật. Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Các bên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đó. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm giữ bí mật về thông tin do bên mua bảo hiểm cung cấp.

Đây chính là nội dung pháp lý quan trọng trong việc xác quan hệ hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị xuất hiện nguyên nhân tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm có xu hướng tăng nhanh. Nguyên nhân từ việc thực thi Luật Kinh doanh bảo hiểm nói riêng, các quy định liên quan nói chung còn bộc lộ những hạn chế, gây giảm sút hiệu quả điều chỉnh pháp luật, làm thị trường phát triển kém lành mạnh, nảy sinh tranh chấp kéo dài, gây suy giảm niềm tin của một bộ phận người tiêu dùng. Bên cạnh đó, nguyên nhân về phía các doanh nghiệp bảo hiểm chưa tuân thủ nghiêm túc quy trình khai thác, giám định bồi thường, điều kiện, điều khoản bảo hiểm... Việc này có thể do trình độ, thức của cán bộ, có thể do năng lực của bản thân công ty chưa đáp ứng được việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ đề ra, do cả nguyên nhân cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp và sức ép kế hoạch doanh thu của cán bộ dẫn đến bỏ qua một số thủ tục trong quy trình khai thác, như đánh giá rủi ro trước khi cấp đơn... Một nguyên nhân khác đến từ phía người được bảo hiểm. Trong khi nhận thức của người dân về pháp luật còn nhiều yếu kém, nhất là những văn bản pháp quy về bảo hiểm. Có thể vì lòng tham và tình hình kinh tế khó khăn, vì tâm chỉ được nhiều hoặc ít chứ không bị mất, các quy định về nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm còn lỏng lẻo và nhiều kẽ hở dễ dàng lợi dụng..., những người làm

công tác tài phán (quan tòa, trọng tài) đang thực hiện công việc của mình thường kiêm nhiệm các công việc tài phán khác, nên độ chuyên sâu có phần bị hạn chế. Trong khi đó, nghiệp vụ bảo hiểm khá phức tạp, dẫn đến một số trường hợp phải dành nhiều thời gian nghiên cứu, xem xét.

Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*” thực sự có ý nghĩa và cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một trong những vấn đề cơ bản của pháp luật bảo hiểm nói chung, hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam đã được các nhà khoa học, luật gia, tác giả quan tâm nghiên cứu ở các mức độ khác nhau. Khi tiến hành nghiên cứu đề tài này, tác giả có tìm hiểu và nhận thấy trước đó đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề này ở nhiều góc độ khác nhau như:

- Đề tài luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Văn Căn (2017) - Học viện Hành chính: “*Hợp đồng bảo hiểm Việt Nam trong điều kiện gia nhập WTO*”. Luận văn đề cập đến hợp đồng bảo hiểm. Mặt khác tác giả cũng chỉ đặt vấn đề nghiên cứu trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO.

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Đức Thành, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội: “*Hợp đồng bảo hiểm ở Việt Nam*” (2016). Luận văn tập trung nghiên cứu: Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng Hợp đồng bảo hiểm. Khái niệm bảo hiểm, khái niệm hợp đồng bảo hiểm, các nhân tố tác động đến niệm hợp đồng bảo hiểm và kinh nghiệm của một số nước về phát triển niệm quan hệ hợp đồng bảo hiểm. Đánh giá thực trạng pháp luật hợp đồng bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp và đưa ra một số kiến nghị nhằm thúc đẩy phát triển hoàn thiện hợp đồng bảo hiểm Việt Nam.

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Trúc Hương - Đại học Ngoại thương (2014) đã nghiên cứu về đề tài: “*Pháp luật về thực hiện hợp đồng bảo hiểm Việt Nam*”. Tác giả nghiên cứu về cơ sở lý luận trong luận văn là những lý chung về bảo hiểm và khái niệm, đặc điểm, vai trò, phân loại hợp đồng bảo hiểm.

Các công trình nghiên cứu đã đề cập một cách khá toàn diện về pháp luật hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh cả về mặt lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, nghiên cứu về thực tiễn hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên bình diện lý luận và thực tiễn chưa được các tác giả đề cập nhiều. Chính vì thế, luận văn sẽ làm rõ những vấn đề lý luận về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, chỉ ra thực trạng hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam tại một địa phương như tỉnh Quảng Trị đang phát triển nhanh chóng về quan hệ hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh để từ đó đưa ra phương hướng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn: luận văn đưa ra các vấn đề khái quát chung về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh, qua đó đi sâu

vào phân tích các quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh. Luận văn cũng phân tích thực trạng pháp luật về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo pháp luật hiện hành từ thực trạng thực hiện tại địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng, đưa ra một số nhận xét, đề xuất những phương hướng, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh từ thực tiễn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn: Với mục đích nghiên cứu như trên, tác giả tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ chính sau:

- Làm rõ những vấn đề có tính khái quát về pháp luật và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh;
- Phân tích thực trạng quy định hiện hành về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh từ thực trạng thực hiện tại tỉnh Quảng Trị;
- Đưa ra phương hướng và kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: các quan điểm, các quy định về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam - qua thực tiễn tại Quảng Trị và các pháp luật có liên quan hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về không gian: những quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh hiện nay ở Việt Nam, đồng thời đi sâu vào nghiên cứu quan điểm việc áp dụng thực tiễn tại Quảng Trị.

Phạm vi nghiên cứu thời gian: Từ năm 2012 đến năm 2018.

Địa bàn nghiên cứu: Quảng Trị

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng luận văn đã được thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng. Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...
- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê,...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Luận văn góp phần vào việc xây dựng luận cứ khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật và đảm bảo hiệu quả thực thi hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam - qua thực tiễn tại Quảng Trị hiện nay;

- Góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng quy định về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh ở Việt Nam trong gian đoạn tới;

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được kết cấu theo 03 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH

1.1. Một số vấn đề lý luận về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

1.1.1. Khái niệm hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

Theo Điều 12 Luật KDBH quy định: “*Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm*”.

Theo Khoản 1, Điều 303, Bộ Luật hàng hải Việt Nam quy định: “*Hợp đồng bảo hiểm hàng hải là hợp đồng bảo hiểm các rủi ro hàng hải, theo đó người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm theo thỏa thuận và người bảo hiểm cam kết bồi thường cho người được bảo hiểm những tổn thất hàng hải thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo cách thức và điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng.*

Rủi ro hàng hải là những rủi ro xảy ra liên quan đến hành trình đường biển, bao gồm các rủi ro của biển, cháy, nổ, chiến tranh, cướp biển, trộm cắp, kê biên, quản thúc, giam giữ, ném hàng xuống biển, trưng thu, trưng dụng, trưng mua, hành vi bất hợp pháp và các rủi ro tương tự hoặc những rủi ro khác được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm”.

1.1.2. Đặc điểm hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

Hợp đồng bảo hiểm là hợp đồng ưng thuận: Hợp đồng bảo hiểm được thiết lập dựa trên sự chấp thuận của cả đôi bên trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự do giao kết trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức xã hội. Về nguyên tắc, thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng có thể dựa trên sự thoả thuận của các bên. Trường hợp các bên không có thoả thuận và luật không có quy định, hợp đồng sẽ phát sinh hiệu lực tại thời điểm được coi là đã giao kết hợp pháp.

Hợp đồng bảo hiểm là hợp đồng song vụ: Các bên ký kết đều có quyền và nghĩa vụ, quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Người bảo hiểm phải đảm bảo cho các rủi ro còn người được bảo hiểm phải trả phí bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm có tính chất may rủi: Nếu không tồn tại rủi ro (sự kiện bảo hiểm) thì không có việc giao kết cũng như tồn tại hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm có tính chất đền bù: Mọi quan hệ quyền và nghĩa vụ giữa hai bên thể hiện ở mối quan hệ có đi có lại về lợi ích. Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ trả tiền phí bảo hiểm, bên bán bảo hiểm có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm/bồi thường khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Hợp đồng bảo hiểm là một loại hợp đồng theo mẫu: điều này thể hiện ở chỗ toàn bộ các nội dung của hợp đồng bảo hiểm, các quy tắc bảo hiểm (nội dung chính của Hợp đồng) do bên bảo hiểm soạn thảo trước, bên mua bảo hiểm sau đọc thấy phù hợp với nhu cầu của mình thì giao kết. Trong quá trình giao kết hợp đồng, bên mua bảo hiểm không thể sửa đổi, bổ sung bất cứ điều khoản nào trong hợp đồng mà bên bán bảo hiểm đã đưa ra¹.

Hợp đồng bảo hiểm có tính dân sự - thương mại hỗn hợp: Bên mua bảo hiểm có thể là cá nhân hoặc pháp nhân dân sự hay thương mại, người bảo hiểm cũng có thể là một pháp nhân dân sự (hội tương hỗ) hay thương mại (công ty bảo hiểm). Do đó, mối quan hệ giữa họ, cụ thể là hợp đồng bảo hiểm sẽ có thể có tính dân sự hay thương mại thuần túy hoặc dân sự - thương mại hỗn hợp.

Hợp đồng kinh doanh bảo hiểm là một hợp đồng chuyển dịch rủi ro. Đây là đặc điểm riêng biệt của hợp đồng kinh doanh bảo hiểm, có thể phân biệt với các loại hợp đồng khác. Thông thường, các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng thường hướng tới những lợi ích nhất định.

Hợp đồng kinh doanh bảo hiểm là một loại hợp đồng dịch vụ. Kết quả của việc thực hiện hợp đồng kinh doanh bảo hiểm không tạo ra một sản phẩm vật chất cụ thể, mà nó chỉ bảo đảm cho bên tham gia bảo hiểm có thể giảm bớt rủi ro khi sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Hợp đồng kinh doanh bảo hiểm làm phát sinh một loại nghĩa vụ có điều kiện. Khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, bên tham gia bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, nhưng bên kinh doanh bảo hiểm không đương nhiên phải thực hiện việc chi trả bảo hiểm. Nghĩa vụ chi trả bảo hiểm chỉ thực sự phát sinh và phải thực hiện nếu sự kiện bảo hiểm phát sinh.

¹ Bùi Thị Hằng Nga (2015), *Pháp luật kinh doanh bảo hiểm*, NXB. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tr.52

1.1.3. Các loại hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh

- Hợp đồng bảo hiểm con người được áp dụng cho các đối tượng bảo hiểm là tính mạng, tình trạng sức khoẻ và những sự kiện có liên quan đến tuổi thọ của con người. Loại hợp đồng này có đặc điểm:

Thời hạn hợp đồng thường kéo dài, đặc biệt là những hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vì thế, trong quá trình thực hiện hợp đồng, người tham gia bảo hiểm được quyền thay đổi nội dung hợp đồng.

Hợp đồng bảo hiểm con người là loại hợp đồng thanh toán có định mức.

- Hợp đồng bảo hiểm tài sản: Đối tượng bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm tài sản là tài sản bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản.

- Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự: Đối tượng của hợp đồng này là trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm đối với người thứ ba theo quy định của luật pháp.

Phân loại hợp đồng bảo hiểm theo đối tượng bảo hiểm là cách phân loại chủ yếu, ngoài ra mỗi loại hợp đồng nêu trên còn được phân loại chi tiết theo các tiêu thức khác nhau, tùy theo mục đích nghiên cứu. Chẳng hạn, đối với loại hình bảo hiểm tài sản còn chia ra: Hợp đồng bảo hiểm tàu thủy, hợp đồng bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển... Hay đối với bảo hiểm trách nhiệm còn chia ra: Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm đối với sản phẩm, hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm pháp lý...

1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

1.1.4.1. Sự phát triển kinh tế xã hội

Việc thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo các nguyên tắc của công bằng xã hội là điều kiện cần thiết cho sự ổn định chính trị, tăng cường pháp chế và đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội; củng cố ý thức của con người về cái chung trong các lợi ích, lý tưởng của họ, khơi dậy thái độ tích cực của quần chúng đối với việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật hợp đồng bảo hiểm; nhờ đó ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật hợp đồng bảo hiểm cũng được nâng lên một bước và việc thực hiện pháp luật hợp đồng bảo hiểm của các chủ thể trở nên tự giác và chủ động hơn.

1.1.4.2. Yếu tố chính trị

Dư luận xã hội có tác động mạnh mẽ đến hoạt động thực hiện pháp luật hợp đồng bảo hiểm. Dư luận xã hội gắn liền với ý chí cộng đồng của nhóm xã hội mà nó tác động mạnh mẽ đến suy nghĩ và hành động của các cá nhân. Trong một chừng mực nhất định người ta có thể không sợ sự trừng phạt của pháp luật hợp đồng bảo hiểm khi thực hiện những hành vi sai trái, phạm pháp nhưng chúng lại sợ sự phê phán lên án của dư luận xã hội - một thứ bất thành văn. Trong điều kiện xã hội có nền dân chủ rộng rãi, dư luận xã hội được coi là phương tiện kiểm tra xã hội đối với ý thức pháp luật hợp đồng bảo hiểm và hành vi pháp luật hợp đồng bảo hiểm của mỗi người. Dưới áp lực của dư luận xã hội, mỗi người luôn phải xem xét, suy nghĩ, kiểm định trước khi thực hiện một hành vi pháp luật hợp đồng bảo hiểm nào đó. Những câu hỏi phải được đặt ra về cái đúng, cái sai, nên hay không nên...

Nhờ đó, ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật hợp đồng bảo hiểm trong mỗi chủ thể cũng được nâng lên một bước.

1.1.4.3. Yếu tố pháp luật

Yếu tố pháp luật về hợp đồng bảo hiểm là tổng thể các yếu tố tạo nên đời sống pháp luật hợp đồng bảo hiểm của xã hội ở từng giai đoạn nhất định bao gồm hệ thống pháp luật hợp đồng bảo hiểm, các quan hệ pháp luật hợp đồng bảo hiểm... Bản thân pháp luật hợp đồng bảo hiểm được sinh ra là để điều chỉnh các quan hệ xã hội là cơ sở để các chủ thể thực hiện pháp luật hợp đồng bảo hiểm. Song chính các mặt, khía cạnh khác nhau của các chuẩn mực pháp luật hợp đồng bảo hiểm cũng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động thực hiện pháp luật hợp đồng bảo hiểm.

1.2. Khái quát pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh

1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh

Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm.

1.2.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh

Thứ nhất, nội dung của hợp đồng bảo hiểm: là tổng thể những thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) và người tham gia bảo hiểm được ghi nhận trong hợp đồng bảo hiểm (HĐBH). Hầu hết pháp luật các quốc gia đều quy định về nội dung cần phải có hoặc một số thỏa thuận đặc trưng của quan hệ HĐBH. Lý do để giải thích cho việc cần phải có quy định này là ở chỗ, HĐBH là một hợp đồng rất phức tạp, chính vì vậy người tham gia bảo hiểm có thể không chú ý đến những điều khoản quan trọng trong hợp đồng đã được DNBH soạn thảo. Do đó, để bảo vệ quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm, pháp luật các quốc gia ở những chừng mực khác nhau, đều có những quy định về nội dung cần phải có của HĐBH.

Theo quy định của Bộ luật dân sự, nội dung của hợp đồng có thể bao gồm một hoặc nhiều điều khoản. Các điều khoản này có thể do các bên thỏa thuận hoặc là các quy định của pháp luật mà các bên thừa nhận tại thời điểm giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, căn cứ Điều 13 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm phải có những nội dung sau đây:

(1) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;

(2) Đối tượng bảo hiểm: Tùy từng loại hợp đồng bảo hiểm khác nhau mà đối tượng bảo hiểm sẽ được xác định khác nhau như: (i) Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người là tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và tai nạn con người. (ii) Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm tài sản là tài sản, bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản; (iii) Đối tượng bảo hiểm của bảo hiểm trách nhiệm dân sự là trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người được bảo hiểm phát sinh theo quy định của pháp luật về dân sự.

(3) Số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản được bảo hiểm đối với bảo hiểm tài sản;

(4) Phạm vi bảo hiểm là giới hạn các rủi ro mà bên bảo hiểm cam kết gánh chịu thay cho bên được bảo hiểm.

(5) Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: là những loại trừ về những rủi ro mang tính thảm họa lớn, những rủi ro chỉ được bảo hiểm trong điều kiện đặc biệt, những sự kiện sự cố mang tính chất chủ quản vi phạm pháp luật, vi phạm cam kết thì doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường.

(6) Thời hạn của hợp đồng bảo hiểm: là khoảng thời gian được xác định để các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Khoảng thời gian này được tính từ thời điểm hợp đồng phát sinh hiệu lực cho tới thời điểm xuất hiện các căn cứ dẫn đến chấm dứt hợp đồng.

(7) Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm: Mức phí bảo hiểm là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm.

(8) Thời hạn, phương thức trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường: Thời hạn trả tiền bảo hiểm là khoảng thời gian mà bên bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc tiền bồi thường cho người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.

(9) Quyền và nghĩa vụ của các bên

Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm: được quy định tại Khoản 1, Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000

Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi tham gia quan hệ pháp luật hợp đồng bảo hiểm: được quy định tại Khoản 1, Điều 18, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000

(10) Các điều khoản khác do các bên thỏa thuận.

Thứ hai, giao kết hợp đồng bảo hiểm đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Nguyên tắc bình đẳng

+ Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận bao hàm nội dung

+ Nguyên tắc thiện chí, trung thực với nội dung

+ Nguyên tắc tôn trọng lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác

+ Nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự.

+ Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bên

1.2.2. Nguyên tắc áp dụng luật trong điều chỉnh quan hệ hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam

Thứ nhất, nguyên tắc áp dụng các Điều ước quốc tế

Thứ hai, việc áp dụng luật Việt Nam

Thứ ba, việc áp dụng tập quán quốc tế

1.2.3. Quy định điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

1.2.3.1. Quy định của WTO về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh

Thứ nhất, về nguyên tắc pháp lý nền tảng của WTO.

Thứ hai, cam kết gia nhập WTO của Việt Nam lĩnh vực ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh.

1.2.3.2. *Quy định của CPTPP về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh:* Hiệp định CPTPP chính thức được ký kết tại Chile. Tham gia lễ ký có đại diện 11 quốc gia gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trong quá trình hội nhập, về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay là một bộ phận của TTBH, chúng tùy thuộc vào nhau, tác động lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau và cạnh tranh với nhau. Về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay là phát triển đồng bộ cả 3 yếu tố theo những nguyên tắc nhất định đó là:

(1) Hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước về về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay;

(2) Các điều kiện, môi trường kinh doanh;

(3) Trình độ năng lực của các thành viên tham gia về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay.

Ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay có liên quan đến mọi lĩnh vực đời sống và sản xuất kinh doanh của xã hội. Đồng thời nó luôn gắn liền với đầu tư vốn vào nền kinh tế nên BHNT có vị trí quan trọng nhất định trong thị trường tài chính. Mặt khác BHNT là một dịch vụ tài chính mang tính toàn cầu và nó là một trong những lĩnh vực nhạy cảm của nền kinh tế. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật về ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay là một tất yếu khách quan và là một yêu cầu của quá trình hội nhập, đồng thời nó luôn phải đặt trong mối quan hệ phát triển bền vững.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

2.1.1. Chủ thể giao kết hợp đồng kinh doanh bảo hiểm

2.1.1.1. Bên bán bảo hiểm

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, “*Doanh nghiệp bảo hiểm là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm*”. Đây là đơn vị đã nhận phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm và cam kết chấp nhận rủi ro bảo hiểm về phía mình. Khi có các sự kiện bảo hiểm xảy ra, nghĩa vụ tương ứng của bên nhận bảo hiểm là rất lớn. Do đó, quy định về cơ cấu tổ chức và nguồn vốn của đơn vị bảo hiểm được đặc biệt chú trọng. Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, bên nhận bảo hiểm phải là các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bảo hiểm.

Theo quy định tại Điều 59 của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các tổ chức kinh doanh bảo hiểm bao gồm: 1. Công ty cổ phần bảo hiểm; 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm; 3. Hợp tác xã bảo hiểm; 4. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải tuân theo quy định của pháp luật.

2.1.1.2. Bên mua bảo hiểm

Theo Khoản 06 Điều 03 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010 quy định: “*Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm*”.

Bên mua bảo hiểm có thể là cá nhân hoặc tổ chức có nhu cầu mua bảo hiểm, giao kết hợp đồng bảo hiểm với DNBH; đóng phí bảo hiểm và được ghi tên Bên mua bảo hiểm trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm hoặc Xác nhận thay đổi hợp đồng bảo hiểm (nếu có). Bên mua bảo hiểm sẽ có tất cả các quyền và nghĩa vụ được nêu trong Hợp đồng bảo hiểm và bị ràng buộc tương ứng bởi các điều khoản của HĐBH. Vào ngày cấp HĐBH, Bên mua bảo hiểm nếu là cá nhân phải đủ 18 tuổi, đang cư trú tại Việt Nam và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; nếu là tổ chức, phải được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2.1.2. Hình thức của hợp đồng bảo hiểm và thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm phải được xác lập bằng hình thức văn bản. Mục đích chính của quy định này là nhằm đảm bảo khả năng thực hiện đúng hợp đồng của các bên cũng như tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài việc quy định hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, để bảo vệ người tham gia bảo hiểm trước những điều khoản mẫu, pháp luật một số nước còn yêu cầu in đậm một số điều khoản quan trọng, hoặc quy định không được in cỡ chữ quá nhỏ để bên mua bảo hiểm dành sự chú ý đối với những nội dung này.

Hình thức Hợp đồng bảo hiểm phải thể hiện bằng văn bản do trong những đặc điểm của bảo hiểm là một cam kết dân sự trong đó DNBH đưa ra cam kết bồi thường theo những điều kiện và cách thức nhất định cho những rủi ro tổn thất được bảo hiểm. Điều 14 Luật KDBH quy định hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm, điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định. Thường thì HĐBH là mẫu soạn sẵn của DNBH để điền những nội dung và được người tham gia bảo hiểm chấp nhận ghi vào giấy yêu cầu bảo hiểm.

2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

2.2.1. Hiệu lực của hợp đồng kinh doanh bảo hiểm

2.2.1.1. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng

Về điều kiện chung đối với các hợp đồng là: Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật và năng lực hành vi theo quy định của pháp luật; Các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện; Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật pháp, không trái đạo đức xã hội; Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là những điều kiện áp dụng chung với mọi giao dịch

dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Bất cứ giao dịch nào khi được giao kết cũng phải thoả mãn các điều kiện này.

Về các điều kiện đặc thù đối với hợp đồng bảo hiểm là:

- Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi được bảo hiểm quyền lợi có thể được bảo hiểm là quyền sở hữu, chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản, quyền nghĩa vụ nuôi dưỡng cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm. Theo điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm, trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi được bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm vô hiệu. Trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản, quyền lợi có thể được bảo hiểm bao gồm: quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản. Như vậy, đối tượng có thể trở thành bên mua bảo hiểm rất rộng. Hợp đồng bảo hiểm tài sản có thể được bên đang tiến hành chuyển giao quyền sở hữu đối tượng bảo hiểm thiết lập. Trong lĩnh vực bảo hiểm con người, quyền lợi được bảo hiểm được quy định tương đối hạn chế. Theo quy định trên, quyền lợi được bảo hiểm trong bảo hiểm con người là sự kết hợp của 02 yếu tố là: quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với người được bảo hiểm. Về vấn đề này, Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định rõ bên mua bảo hiểm chỉ có thể mua bảo hiểm cho các đối tượng sau đây: Bản thân bên mua bảo hiểm; vợ chồng, con, cha mẹ của bên mua bảo hiểm; Anh, chị, em, người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; người khác, nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

- Đối tượng được bảo hiểm phải tồn tại vào thời điểm giao kết hợp đồng. Theo điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm, trong trường hợp tại thời điểm giao kết hợp đồng, đối tượng bảo hiểm không tồn tại thì hợp đồng bảo hiểm sẽ bị vô hiệu. Sự tồn tại của đối tượng bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm là một yêu cầu tất yếu khách quan của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Tại thời điểm ký hợp đồng sự kiện bảo hiểm chưa xảy ra hoặc đang xảy ra nhưng bên mua bảo hiểm không biết về việc đó. Theo Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm, trong trường hợp tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra thì hợp đồng sẽ vô hiệu.

- Các bên không được có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Theo Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm, trong trường hợp một trong hai bên có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm thì hợp đồng sẽ vô hiệu. Điều 142 Bộ Luật dân sự quy định về hành vi lừa dối như sau: “Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch nên đã xác lập giao dịch đó”. Theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Dân sự, thì bên bị lừa dối chỉ có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng đó vô hiệu trong thời hạn 01 năm. Nếu quá thời hạn đó mà không yêu cầu tòa án tuyên bố thì coi như bên bị lừa dối đã chấp nhận bỏ quan cho sự “lừa dối” đó; hợp đồng được thiết lập vẫn có giá trị về mặt pháp lý. Ngoài ra, ở mức độ thấp hơn hành vi lừa dối, Theo Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm, khi một trong hai bên giao kết hợp đồng bảo hiểm vi phạm trách nhiệm cung cấp thông tin thì cũng làm cho hợp đồng sẽ không có hiệu lực hoặc bị đình chỉ thực hiện tùy thuộc vào thời điểm cung cấp thông tin.

2.2.1.2. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng

Theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015, khi hợp đồng đã được giao kết hợp pháp sẽ phát sinh hiệu lực tại thời điểm giao kết, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Trong các thời điểm này, thời điểm luật có quy định là thời điểm được ưu tiên áp dụng đầu tiên. Trường hợp luật không có quy định thì các bên có thể thỏa thuận về thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng. Luật kinh doanh bảo hiểm không có quy định riêng về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm. Các quy định về thời điểm của hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm cũng dựa trên các quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng nói chung. Tuy nhiên, Điều 15 của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định về thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, theo đó trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi có một trong những trường hợp sau đây: (1) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết, trong đó có thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm về việc bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm; (3) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.

2.2.1.3. Hợp đồng vô hiệu và xử lý hậu quả

** Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu:*

Theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch dân sự vô hiệu được xác định là giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác. Theo quy định này thì giao dịch dân sự nói chung, hợp đồng nói riêng chỉ bị coi là vô hiệu khi đã vi phạm một trong các điều kiện có hiệu lực đã được Bộ luật dân sự quy định. Hợp đồng bảo hiểm cũng là một loại giao dịch dân sự nên cũng phải tuân thủ quy định về các điều kiện có hiệu lực của giao dịch. Do vậy, việc xác định hợp đồng bảo hiểm vô hiệu cũng dựa trên các quy định chung về giao dịch dân sự vô hiệu trong Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Luật kinh doanh bảo hiểm lại đưa ra các quy định riêng biệt về các trường hợp hợp đồng bảo hiểm vô hiệu.

Theo quy định tại Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm vô hiệu khi xảy ra một trong các trường hợp như: (a) Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm; (b) Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm không tồn tại; (c) Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra; (d) Bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm; (đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

** Xử lý hậu quả pháp lý của hợp đồng bảo hiểm vô hiệu*

Khoản 2 Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Việc xử lý hợp đồng bảo hiểm vô hiệu được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan”. Điều này có nghĩa rằng, các quy định liên quan đến xử lý hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 là căn cứ để giải quyết hậu quả khi hợp đồng bảo hiểm vô hiệu.

2.2.1.4. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và hậu quả pháp lý

** Các trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm:*

Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự, hợp đồng bảo hiểm còn chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

Thứ nhất, bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm.

Thứ hai, bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Thứ ba, bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

Thứ tư, sự kiện bảo hiểm xảy ra và người bảo hiểm đã hoàn thành toàn bộ cam kết bồi thường hoặc trả tiền bảo hiểm.

Thứ năm, các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Thứ sáu, hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp DNBH bị phá sản mà bên mua bảo hiểm không đồng ý chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho DNBH khác.

2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tại tỉnh Quảng Trị

2.3.1. Thành tựu thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm

+ *Về thể chế*. Chế định hợp đồng bảo hiểm trong Luật KDBH có những quan điểm đúng đắn và phù hợp với thực tiễn hoạt động bảo hiểm hơn so với Bộ luật dân sự. Luật kinh doanh bảo hiểm định nghĩa: “Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm”. Định nghĩa này có độ chênh so với định nghĩa về hợp đồng bảo hiểm được quy định tại Bộ luật dân sự: “Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, còn bên bảo hiểm phải trả một khoản tiền bảo hiểm cho bên được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm”. Qua hai định nghĩa này có thể thấy sự mâu thuẫn trong quan điểm về đối tượng được nhận tiền bảo hiểm, trong luật kinh doanh bảo hiểm đối tượng được nhận tiền bảo hiểm là người thụ hưởng hoặc người được bảo hiểm, Bộ luật dân sự không quy định về người thụ hưởng mà chỉ quy định về bên được bảo hiểm và trong luật cũng không làm rõ hơn về khái niệm bên được bảo hiểm. Như vậy, có thể thấy theo Luật dân sự, nếu bên được bảo hiểm chết thì tiền bảo hiểm phải trả cho người thừa kế của họ, còn trong Luật kinh doanh bảo hiểm thì lại trả cho người thụ hưởng mà người thụ hưởng thì có thể là người thừa kế, một trong các người thừa kế hoặc không phải là người thừa kế. Từ mâu thuẫn như vậy, chắc chắn không tránh khỏi những tranh chấp trong thực tế.

+ *Về áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp được các chủ thể thực hiện một cách triệt để.*

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế của hệ thống pháp luật và thực tiễn áp dụng về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị

2.3.2.1. Quy định về ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, hạn chế trực lợi bảo hiểm của đại lý bảo hiểm do thể chế chưa rõ ràng gây khó khăn khi áp dụng

Thứ nhất, hệ thống pháp luật chưa rõ ràng về việc ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm

trong lĩnh vực kinh doanh. Hiện nay các quy định, các điều khoản BH, các văn bản ký kết hợp đồng BH... chưa được chuẩn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh đó chế định hợp đồng bảo hiểm trong Luật KDBH 2000 cũng còn có một số điểm bất cập mà các nhà làm luật cần xem xét, cụ thể: Khoản 2 Điều 19 Luật KDBH quy định: "Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm có một trong những hành vi sau đây: a) Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường; ...".

Tại khoản 3 Điều 19 quy định: "Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật". Như vậy, trong cả hai trường hợp hoặc là bên mua bảo hiểm hoặc là doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng, việc cố ý cung cấp thông tin sai là hành vi lừa dối và đều dẫn đến một hậu quả pháp lý là hợp đồng vô hiệu theo quy định tại điều 22 Luật KDBH: "Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu trong các trường hợp sau đây: d) *Bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm...*", thế nhưng cách thức giải quyết trong hai trường hợp lại hoàn toàn khác nhau, trong khi tại khoản 2 điều 22 Luật KDBH quy định việc xử lý hợp đồng bảo hiểm vô hiệu được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Theo quy định tại Bộ luật dân sự thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận... và bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Trên cơ sở những điều luật đã được trích dẫn trên đây, có thể thấy quy định tại khoản 2 điều 19 Luật KDBH quy định trong trường hợp bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin sai nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn thu phí đến thời điểm đình chỉ hợp đồng, là không đảm bảo sự công bằng giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm trong trường hợp người cung cấp thông tin sai nhằm giao kết hợp đồng là doanh nghiệp bảo hiểm, có độ chênh và phân biệt quyền lợi giữa hai chủ thể chính trong cùng một điều luật. Và cách xử lý như vậy cũng không phù hợp với quy định chung của pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu. Về mặt lý luận quy định về đơn phương đình chỉ hợp đồng trong cả hai trường hợp này cũng là không hợp lý, theo quy định của Luật dân sự thì một trong hai bên có quyền yêu cầu toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu trong thời hạn 2 năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Vậy nên chẳng, các nhà làm luật nên xem xét bỏ điểm a khoản 2 và khoản 3 điều 19 Luật KDBH, trong trường hợp này đã có sự điều chỉnh theo quy định tại điều 22 là đúng và đủ.

Trong luật KDBH có những cụm từ được sử dụng, nhưng không được định nghĩa đã dẫn đến nhiều cách hiểu Trong những năm gần đây, bên cạnh kênh phân phối truyền thống là ĐLBH cá nhân, các doanh nghiệp BH triển khai khá hiệu quả

việc bán bảo hiểm qua nhiều kênh khác như mô hình đại lý, kênh hợp tác với ngân hàng, bưu điện... Tuy vậy, cho đến thời điểm này, kênh ĐLBH cá nhân vẫn chiếm tỷ lệ trọng yếu và đóng vai trò quyết định. Thực tế, khi nền kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng, tình trạng trục lợi bảo hiểm có sự tham gia của đại lý bảo hiểm đang diễn biến hết sức phức tạp, hoạt động của đại lý bảo hiểm đã bộc lộ không ít những bất cập, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho khách hàng và các DNBH bằng sự góp mặt vào những vụ trục lợi bảo hiểm.

Thực tế cho thấy thực trạng trục lợi bảo hiểm có sự góp mặt của ĐLBH diễn ra hết sức tinh vi, đa dạng với nhiều hình thức khác nhau, song tựu trung lại được thể hiện ở hai lĩnh vực chính là: (1) TLBH từ những vi phạm trong khâu tư vấn bảo hiểm - tức là TLBH có sự liên quan hoặc sự thông đồng với người tham gia bảo hiểm và (2) TLBH từ những vi phạm về tài chính tức là TLBH bằng việc chiếm dụng tiền của DNBH và/hoặc khách hàng.

Có tình trạng trục lợi bảo hiểm từ những vi phạm trong khâu tư vấn bảo hiểm - tức là trục lợi bảo hiểm có sự liên quan hoặc sự thông đồng với người tham gia bảo hiểm. Vi phạm này xảy ra trong suốt quá trình giao kết và thực thi trong đó phổ biến là những hành vi sau: Cố ý che giấu tình hình sức khỏe, tình hình tài chính của đối tượng được bảo hiểm (chẳng hạn khách hàng bị bệnh tâm thần, liệt, nhiễm trùng huyết từ sang tổn da... với những biểu hiện bất thường có thể nhận biết bằng khi tiếp xúc nhưng ĐLBH không thể hiện trong Báo cáo đại lý hay khách hàng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng lại mua bảo hiểm với số tiền vượt quá khả năng...).

Tại Quảng Trị năm 2017, các công ty BH đã Báo cáo Quản lý - Giám sát bảo hiểm cho thấy, trong giai đoạn 2017- 2014 cho thấy, tổng số vụ trục lợi bảo hiểm đã phát hiện và có bằng chứng cụ thể để từ chối chi trả bảo hiểm là gần 400 vụ, tăng trung bình 31,3%/năm. Tổng số tiền trục lợi giai đoạn này khoảng 70 tỷ đồng, trung bình gần 10 tỷ đồng/năm. Đây là chưa tính đến những hồ sơ bồi thường có dấu hiệu trục lợi nhưng chưa có bằng chứng rõ ràng để từ chối chi trả, gây thất thoát hàng trăm tỷ đồng cho các doanh nghiệp bảo hiểm, gián tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Có những doanh nghiệp bảo hiểm có thị phần lớn, số vụ trục lợi lên đến con số 60 vụ/năm.

Trước đây, khi xảy ra trục lợi bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng thông thường sẽ làm việc và dàn xếp với nhau. Tuy nhiên, mới đây, tội trục lợi bảo hiểm đã được đưa vào quy định tại điều 223, Bộ luật Hình sự sửa đổi. Theo đó, nếu có hành vi trục lợi số tiền bảo hiểm có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; tái phạm nguy hiểm... thì sẽ bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm. Mặc dù vậy, dù có chế tài, các gói bảo hiểm bồi thường tiền tỷ vẫn là những miếng mồi ngon với những kẻ trục lợi. Do vậy, dù phạt đi tù hay thậm chí nặng hơn, có thể vẫn có những người bất chấp để thực hiện hành vi của mình².

Thứ hai, Quy định ràng buộc trách nhiệm của DNBH tham gia hoạt động đầu tư chặt chẽ: Theo quy định của LKDBH và Mục 3 Đầu tư vốn của Nghị định 73 năm 2016, các DNBH được phép thực hiện hoạt động đầu tư thông qua việc góp

² Sở Tài Chính Quảng Trị (2017), *Báo cáo thực hiện việc kiểm soát quản lý thị trường kinh doanh BHNT*, Quảng trị, tr.2-3

vốn, mua cổ phần, kinh doanh bất động sản, DNBH được sử dụng một phần vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ để tham gia đầu tư.

Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư của DN được quy định chung giữa cổ phiếu và trái phiếu; đầu tư kinh doanh bất động sản và cho vay là không hợp lý. Bởi vì bản chất của kinh doanh trái phiếu và cho vay là nhằm hưởng lãi suất cố định, mức độ rủi ro không lớn còn hoạt động đầu tư cổ phiếu và kinh doanh bất động sản là hai loại hình kinh doanh có tính rủi ro cao, phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động của thị trường. Như vậy cần phải quy định ràng buộc riêng về tỷ lệ đầu tư, cách thức trích lập và định giá tài sản đầu tư hàng năm để kiểm soát chặt chẽ tránh rủi ro, tổn thất cho doanh nghiệp.

2.3.2.2. Tranh chấp doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh hiện nay đang diễn ra theo chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp

Theo nhiều chuyên gia pháp luật về bảo hiểm, ngày càng có nhiều vụ người mua bảo hiểm bị công ty bảo hiểm từ chối thanh toán với lý do khai báo thông tin không trung thực, dẫn đến tranh chấp, kiện tụng gay gắt.

Thị trường bảo hiểm đang ngày càng mở rộng và phát triển, người dân thường mua bảo hiểm thông qua trung gian là người môi giới, đại lý bảo hiểm. Ngoài những trường hợp bị bệnh nan y, biết mình sắp chết, cố tình giấu giếm tình trạng sức khỏe để trục lợi, cũng có không ít vụ người mua bảo hiểm thiếu hiểu biết về pháp luật bảo hiểm. Người môi giới, đại lý bảo hiểm thì chạy theo doanh thu, lợi nhuận nên chỉ đưa những thông tin có lợi nhằm thuyết phục khách mua bảo hiểm mà không giải thích rõ về điều kiện, khả năng bất lợi... Người mua vì thế khai báo thông tin không đầy đủ nên khi có tranh chấp sẽ gặp thiệt thòi. Do đó, người mua bảo hiểm nên tự trang bị cho bản thân những kiến thức cơ bản về bảo hiểm và pháp luật bảo hiểm, tìm hiểu thật kỹ các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm trước khi quyết định.

Trên đây là một trong số những vụ tranh chấp doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh điển hình trong thời gian vừa qua, qua đó cũng thể hiện thực trạng tranh chấp doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh ở Việt Nam hiện tại đồng thời nói lên những vướng mắc, bất cập trong những vụ tranh chấp. Chúng ta cũng có thể nhận thấy rằng, trong quá trình áp dụng pháp luật và thực tiễn xét xử cho thấy một số những hạn chế liên quan đến những quy định pháp luật doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh ở Quảng Trị. Cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, Luật Kinh doanh bảo hiểm còn thiếu sự giải thích một số thuật ngữ rất phổ biến trong hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh như giá trị hoàn lại và chi phí hợp lý mặc dù những thuật ngữ này được sử dụng thường xuyên trong luật và các văn bản dưới luật dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn cho việc áp dụng.

- *Thứ hai*, Luật Kinh doanh bảo hiểm chưa quy định hợp lý về việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm con người. Bản chất của việc chuyển nhượng hợp đồng

là việc một chủ thể khác sẽ thay thế vị trí pháp lý của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng. Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh cho người khác để tiếp tục duy trì hợp đồng hoặc để có một khoản tiền nhất định hoặc không muốn hợp đồng chấm dứt vì điều đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thụ hưởng. Vấn đề này đã được Luật kinh doanh bảo hiểm quy định, nhưng thực tế điều khoản này chỉ đủ với hợp đồng bảo hiểm thiệt hại, khi mà bên mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm. Đối với hợp đồng bảo hiểm con người, bên chuyển nhượng (bên mua bảo hiểm) có thể không phải là người được bảo hiểm. Do vậy, quá trình chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm con người có nhiều vấn đề nảy sinh cần pháp luật quy định.

Ví dụ: Điều kiện đối người nhận chuyển nhượng như thế nào, có cần có sự đồng ý của người được bảo hiểm hay không... Những bổ sung này rất quan trọng nhằm tránh những tranh chấp có thể xảy ra sau khi hợp đồng được chuyển nhượng. Nếu không có quy định cụ thể, sẽ khó khăn khi xem xét trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong việc chấp nhận chuyển nhượng của bên mua bảo hiểm. Trên thực tế, các doanh nghiệp bảo hiểm đều thoả thuận với bên mua bảo hiểm về việc không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của thoả thuận chuyển nhượng, từ đó dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận việc chuyển nhượng để tiếp tục thu phí, đến khi sự kiện bảo hiểm xảy ra lại từ chối trả tiền bảo hiểm mà chỉ hoàn lại phí bảo hiểm vì hợp đồng không còn hiệu lực.

- *Thứ ba*, Luật kinh doanh bảo hiểm chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục phê chuẩn quy tắc, điều khoản doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh. Cụ thể là chỉ quy định cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn quy tắc, điều khoản doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh là Bộ Tài chính; doanh nghiệp bảo hiểm phải nộp hồ sơ đề nghị phê chuẩn có đầy đủ tài liệu theo quy định; Bộ Tài chính phải chấp thuận hoặc từ chối trong thời hạn 30 ngày. Một vấn đề chưa được quy định là trình tự, thủ tục các bước phê chuẩn được thực hiện như thế nào? Chủ thể nào thực tế đã thẩm định nội dung quy tắc, điều khoản bảo hiểm? Thiết nghĩ, đây là việc cần thiết để đảm bảo chất lượng của hoạt động phê chuẩn, đồng thời cần xác định cụ thể trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức liên quan đối với hoạt động phê chuẩn sản phẩm doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên trong hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như nâng cao vai trò quản lý của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Như vậy, có thể nhận thấy, những bất cập của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nói chung và hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh nói riêng là khá nhiều. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và cần phải được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

- *Thứ tư*, Luật Kinh doanh bảo hiểm còn thiếu những quy định xử lý trường hợp trục lợi bảo hiểm. Pháp luật về doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh nước ta chưa có quy định xử lý đầy đủ hoặc có quy định nhưng các chế tài áp dụng chưa cao đối với các trường hợp trục lợi bảo hiểm.

Mặt khác, có rất nhiều trường hợp khách hàng có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm nhưng khi đi tìm các bằng chứng thì các doanh nghiệp bảo hiểm lại gặp khó khăn vướng mắc do thiếu sự hợp tác từ phía các cơ quan nhà nước (bệnh viện, cơ sở y tế khác, công an...). Trên thực tế đã xuất hiện ngày càng nhiều trường hợp khách hàng sử dụng những thủ thuật rất tinh vi, lừa dối các doanh nghiệp bảo hiểm để trục lợi. Thậm chí đã có trường hợp khách hàng nguy tạo một số loại giấy tờ của các cơ quan có thẩm quyền như giấy chứng tử, biên bản tai nạn, bản giám định thương tật hay dựng hiện trường tai nạn giả... Tuy vậy, khi phát hiện khách hàng trục lợi bảo hiểm, các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam chỉ có thể từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm và hoàn lại số phí bảo hiểm đã thu của khách hàng mà chưa thể được bồi hoàn những chi phí đã phát sinh với những hợp đồng như vậy (trừ trường hợp khách hàng kê khai không thực thực khi giao kết hợp đồng).

Gian lận bảo hiểm là một hành vi lừa dối có chủ đích nhằm đạt được những lợi ích bất chính cho chính mình hoặc bên thứ ba khi tham gia bảo hiểm. Các hình thức gian lận doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh phổ biến diễn ra hiện nay thường là trục lợi bồi thường bảo hiểm đối với quyền lợi hỗ trợ viện phí, phí phẫu thuật, trục lợi về quyền tử vong và tai nạn; thông đồng với khách hàng nhằm trục lợi quyền bồi thường bảo hiểm; chiếm dụng phí khách hàng, lợi dụng tín nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm để chiếm đoạt tài sản; giả mạo thông tin hồ sơ khách hàng nhằm trục lợi hoa hồng... Về những khó khăn, vướng mắc trong điều tra các vụ án gian lận doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh là việc các đối tượng gian lận thường tìm các phương thức thủ đoạn mới tinh vi, hoặc thông đồng với những người liên quan như: Y, bác sỹ, Cảnh sát giao thông, những người làm chứng trong các vụ tổn thất... Những vụ gian lận doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh thường thiếu nhân chứng, vật chứng, hiện trường những vụ tổn thất thường bị thay đổi nhằm mục đích có lợi cho người tham gia bảo hiểm. Ngoài ra, hình phạt của pháp luật đối với hành vi gian lận bảo hiểm chưa nghiêm, với những khe hở của pháp luật, chưa có tính răn đe đối với hành vi gian lận bảo hiểm. Thiếu chế tài quy định việc xử lý và phối hợp xử lý hành vi gian lận bảo hiểm, thiếu sự kiểm tra, kiểm soát và xử lý, nên đã nảy sinh hành vi gian lận bảo hiểm, gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp bảo hiểm, khiến thị trường bảo hiểm phát triển và trở nên không minh bạch.

- Thứ năm, Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định không phù hợp với tính tiết kiệm của hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh khi hợp đồng đã có giá trị hoàn lại: Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Trong trường hợp phí bảo hiểm được đóng nhiều lần và bên mua bảo hiểm đã đóng một hoặc một số lần phí bảo hiểm nhưng không thể đóng được các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì sau thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gia hạn đóng phí, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng, bên mua bảo hiểm không có quyền đòi lại khoản phí bảo hiểm đã đóng nếu thời gian đã đóng phí bảo hiểm dưới hai năm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. Còn nếu thời gian đóng phí từ 02 năm trở lên, bên mua bảo hiểm được nhận lại giá trị hoàn lại của hợp đồng.

Quy định trên làm giảm đi yếu tố tiết kiệm của hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh và vô hình chung làm giảm khả năng kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. Hợp đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh có thời hạn dài, bản thân bên mua bảo hiểm cũng không thể lường trước được những khó khăn tài chính trong quá trình thực hiện hợp đồng. Để bảo vệ quyền lợi cho bên mua bảo hiểm và người thụ hưởng, pháp luật nhiều quốc gia quy định, đối với hợp đồng đã có giá trị hoàn lại, trong trường hợp nếu bên mua bảo hiểm không thể đóng phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn nộp phí và không có thoả thuận khác (ví dụ thoả thuận nộp phí bảo hiểm tự động chẳng hạn), bên mua có quyền yêu cầu duy trì hợp đồng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm giảm hoặc chuyển sang hợp đồng bảo hiểm có số tiền bảo hiểm ít hơn được nộp phí một lần từ giá trị hoàn lại của hợp đồng cũ nếu những loại hợp đồng này doanh nghiệp bảo hiểm có cung cấp; nếu bên mua không yêu cầu các quyền lợi trên, doanh nghiệp bảo hiểm mới có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng và trả cho bên mua giá trị hoàn lại. Những quyền lợi này được gọi là quyền lợi không thể bị tước đoạt. Như vậy, Luật kinh doanh bảo hiểm hiện nay coi quyền huỷ bỏ hợp đồng là quyền đương nhiên đã vô hình chung tước đoạt những quyền lợi chính đáng của bên mua bảo hiểm mà pháp luật các quốc gia khác rất coi trọng.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Để phát huy tốt những thành quả đã được và khắc phục những hạn chế tồn tại pháp luật về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh tại Quảng Trị. Đồng thời tận dụng tốt nhất những cơ hội và vượt qua những khó khăn thách thức trong quá trình hội nhập nhằm phát triển về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh Quảng Trị một cách toàn diện, vững chắc và ổn định. Pháp luật về thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh Quảng Trị cần phải có những định hướng và hệ thống các giải pháp cụ thể, đồng bộ và có tính khả thi cao. Chúng ta tiếp tục đi nghiên cứu những định hướng và các giải pháp hoàn thiện, thực thi pháp luật thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo pháp luật Quảng Trị hiện nay ở chương 3 dưới đây.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

Thứ nhất, xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách pháp luật ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh đầy đủ đồng bộ, minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường và phù hợp với các chuẩn mực cũng như các cam kết quốc tế của Quảng Trị.

Đồng thời tổ chức công tác quản lý và giám sát pháp luật ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả. Phát huy mạnh mẽ vai trò thành viên của cơ quan quản lý nhà nước về pháp luật ký

kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh của Quảng Trị tại Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm ASEAN và Hiệp hội quốc tế các cơ quan quản lý bảo hiểm (IAIS). Từng bước tuân thủ các chuẩn mực quản lý do IAIS ban hành. Khuyến khích và tạo điều kiện tối đa có thể để các DNBH nước ngoài đóng góp tích cực vào ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh Quảng Trị cũng như các DNBH Quảng Trị mở rộng hoạt động ra nước ngoài.

Thứ hai, xây dựng môi trường pháp luật ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế: Phát triển đồng bộ cả quy mô, kết cấu, phát triển số lượng nhưng phải chú trọng đến chất lượng (Chú trọng chiều sâu trên cơ sở chiều rộng hợp lý); Phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở BH; Nâng cao tính an toàn hiệu quả của toàn hệ thống. Tăng tỷ lệ thâm nhập thị trường, tập trung mọi nguồn lực để tận dụng khai thác tiềm năng của thị trường một cách có hiệu quả. Phát triển đa dạng các kênh phân phối và sản phẩm mới. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân đặc biệt là các đối tượng có thu nhập thấp được tham gia BH. Không ngừng nâng cao trình độ dân trí về BH của toàn xã hội.

Thứ ba, phát triển các DNBH, môi giới bảo hiểm một cách chuyên nghiệp, có năng lực tài chính vững mạnh, có năng lực và quản điều hành đạt chuẩn quốc tế, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh tích cực trên ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh trong nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển NNL đặc biệt là NNL chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế, nhằm đáp ứng tốt yêu cầu cạnh tranh và hội nhập của ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh Quảng Trị.

Thứ tư, tạo cơ chế cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Pháp luật với vai trò điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, trong điều kiện thực hiện các cam kết gia nhập CCTPP đòi hỏi các quy định phải tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp KDBH. Các quy định mang tính bảo hộ của Nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm NT cần được huỷ bỏ. Bên cạnh đó, các quy định các quy định mang tính định hướng để các doanh nghiệp triển khai các sản phẩm bảo hiểm mới phải được xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và kịp thời tạo điều kiện để phát triển các sản phẩm bảo hiểm đa dạng và phong phú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Thứ năm, xây dựng cơ chế giám sát các doanh nghiệp BH khi triển khai các sản phẩm bảo hiểm, xây dựng biểu phí, chi hoa hồng bảo hiểm... phải thuận tiện và phù hợp với chuẩn mực chung quốc tế, thống nhất áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp để tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Kiên quyết xử phạt nghiêm khắc và công khai để ngăn cản sự “phá rào” của các doanh nghiệp.

Kiểm tra và có đánh giá chất lượng hoạt động của các đại lý bảo hiểm, có cơ chế để khách hàng tham gia đánh giá các đại lý. áp dụng xử phạt hành chính không những đối với DNBH mà còn đối với các đại lý bảo hiểm. Quy định chế độ trách nhiệm của DNBH khi để xảy ra vi phạm của các đại lý.

Thứ sáu, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KDBH đáp ứng tốt yêu cầu của hội nhập

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh

Lộ trình hoàn thiện hệ thống pháp luật: Phải phù hợp với lộ trình hội nhập và đảm bảo thực hiện tốt các cam kết quốc tế về mở cửa BHPNT.

+ Từ nay đến 2025 sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật KDBH số 24/2000/QH10 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật KDBH số 61/2010/QH12. Mục đích việc sửa đổi nhằm giảm bớt các thủ tục hành chính nhằm góp phần tăng tính cạnh tranh cho TTBH so với các nước trong khu vực và phù hợp với những cam kết cũng như các chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của bảo hiểm. Sửa đổi các quy định chồng chéo giữa hệ thống văn bản pháp luật về KDBH và các văn bản pháp luật khác nhằm đảm bảo tính nhất quán, tính đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật.
Cụ thể:

+ Luật kinh doanh bảo hiểm đã có những quy định rất rõ ràng về các cơ quan quản lý Nhà nước và các nội dung quản lý về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với cơ quan chịu trách nhiệm chính trước Chính phủ là Bộ Tài chính. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình cũng có trách nhiệm quản lý Nhà nước về kinh doanh bảo hiểm. Như vậy, để hoạt động kinh doanh bảo hiểm được diễn ra thuận lợi và đúng luật, các cơ quan kể trên sẽ phải hoàn thành tốt công tác quản lý.

+ Để tạo sự yên tâm cho các công ty kinh doanh bảo hiểm, Nhà nước cần phải tạo lập và duy trì một môi trường kinh doanh an toàn, ổn định, bình đẳng và thuận lợi. Điều này thể hiện trước hết ở việc xây dựng một khuôn khổ pháp lý phù hợp với sự vận động của cơ chế thị trường. Trong công tác quản lý, Nhà nước cần sử dụng các công cụ pháp lý một cách thích hợp và hiệu quả, đặc biệt cần phải hạn chế tối đa sự cạnh tranh không lành mạnh, kiểm soát độc quyền, đảm bảo một môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng. Nhà nước cũng phải có chủ trương đổi mới phương thức và nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tiến dần tới thực hiện các nguyên tắc và chuẩn mực quản lý bảo hiểm quốc tế.

+ Nhà nước giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua hệ thống các chỉ tiêu về hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm và kiểm tra, xử lý vi phạm theo pháp luật, không can thiệp hành chính vào hoạt động của các doanh nghiệp. Tới đây, Nhà nước sẽ chỉ đạo việc kiện toàn bộ máy tổ chức của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam để Hiệp hội thực hiện được vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước.

+ Ngoài ra, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm bằng cách cho hưởng chính sách ưu đãi khi cung cấp các dịch vụ bảo hiểm trong các lĩnh vực có ý nghĩa kinh tế - xã hội cao như bảo hiểm nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ bảo hiểm nhân thọ có tính chất đầu tư dài hạn...đặc biệt là ưu đãi cho những doanh nghiệp bảo hiểm chú trọng mở rộng phạm vi hoạt động đến các vùng sâu, vùng xa. Doanh nghiệp bảo hiểm được phép thành lập quỹ đầu tư, quỹ tín thác và công ty quản lý quỹ theo qui định của pháp luật. Các doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư

nước ngoài sử dụng phí bảo hiểm thu được để đầu tư tại Việt Nam cũng được áp dụng các cơ chế, chính sách về đầu tư như các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước. Nhà nước cũng có thể ưu tiên các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được đầu tư vào các dự án, công trình có độ an toàn về vốn lớn, lợi tức đầu tư cao... Ngoài ra, các doanh nghiệp bảo hiểm cần được khuyến khích hiện đại hoá công nghệ quản lý kinh doanh, đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ theo các chuẩn mực quốc tế, được thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước để quản lý một số lĩnh vực hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị

Thứ nhất, tạo cơ chế cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Pháp luật với vai trò điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, trong điều kiện thực hiện các cam kết gia nhập WTO, CPTPP,... đòi hỏi các quy định phải tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Các quy định mang tính bảo hộ của Nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm cần được huỷ bỏ. Bên cạnh đó, các quy định các quy định mang tính định hướng để các doanh nghiệp triển khai các sản phẩm bảo hiểm mới phải được xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và kịp thời tạo điều kiện để phát triển các sản phẩm bảo hiểm đa dạng và phong phú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Thứ hai, xây dựng cơ chế giám sát các doanh nghiệp khi triển khai các sản phẩm bảo hiểm, xây dựng biểu phí, chi hoa hồng bảo hiểm... phải thuận tiện và phù hợp với chuẩn mực chung quốc tế, thống nhất áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp để tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Kiên quyết xử phạt nghiêm khắc và công khai để ngăn cản sự “phá rào” của các doanh nghiệp. Kiểm tra và có đánh giá chất lượng hoạt động của các đại lý bảo hiểm, có cơ chế để khách hàng tham gia đánh giá các đại lý. áp dụng xử phạt hành chính không những đối với DNBH mà còn đối với các đại lý bảo hiểm. Quy định chế độ trách nhiệm của DNBH khi để xảy ra vi phạm của các đại lý.

Thứ ba, xây dựng cơ chế đảm bảo tính minh bạch, công khai trong hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các DNBH đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Khuyến khích các DNBH đầu tư trang thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ quản lý tiên tiến trong quản trị, điều hành doanh nghiệp để thuận tiện cho việc giám sát chế độ báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp. Xây dựng chế độ kế toán, chỉ tiêu thống kê thống nhất giữa các doanh nghiệp tạo điều kiện thuận tiện cho việc cập nhật số liệu báo cáo toàn thị trường. Công bố kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm trên các phương tiện thông tin đại chúng để khách hàng có cơ sở đánh giá và lựa chọn DNBH mà mình tham gia.

Khuyến khích các DNBH đẩy nhanh lộ trình niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán. Điều đó sẽ góp phần làm tăng tính công khai minh bạch của DNBH khi tuân theo các chuẩn mực quy định của Công ty niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch.

Thứ tư, đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

Cải cách cơ quan quản lý nhà nước về BH nhằm nâng cao hiệu quả với nhân sự có trình độ cao và cung cách quản lý tiên tiến hiện đại theo các chuẩn mực quốc tế

Công tác quản lý nhà nước về KDBH phải đảm bảo đơn giản hóa về thủ tục hành chính nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật và hướng tới các chuẩn mực quốc tế. Phải ngăn chặn và chấm dứt tình trạng quan liêu trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của các DN, song vẫn phải đảm bảo kịp thời và hiệu quả. Điều đó sẽ tạo ra sự tin tưởng đối với các nhà đầu tư, từ đó góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình hội nhập và “kích hoạt” BHPNT phát triển toàn diện, vững chắc.

Hoàn thiện bộ các tiêu chí đánh giá hoạt động của các DNBH, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm theo các chuẩn mực quốc tế nhằm giám sát hiệu quả, đầy đủ và tạo điều kiện cho phát triển. Trong quá trình quản lý giám sát phải dựa trên tinh thần hợp tác và xây dựng. Hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khi kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu giám sát phải đảm bảo trung thực, khách quan, vô tư và công khai minh bạch.

Cục quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính phải tăng cường hơn nữa quan hệ với các cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài (như AIRM và IAIS) để nghiên cứu, áp dụng các chuẩn mực quản lý quốc tế, học hỏi kinh nghiệm, trao đổi thông tin, nắm bắt diễn biến thị trường bảo hiểm quốc tế, đặc biệt là các thông tin liên quan đến các DNBHPNT, môi giới bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động tại Quảng Trị. Sau đây là các giải pháp cụ thể:

- Củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KDBH nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý cho phù hợp với qui mô của TTBH và yêu cầu của quá trình hội nhập.

- Xác định lại cơ cấu cán bộ, tiến hành đào tạo, đào tạo lại cả ở trong và ngoài nước. Làm rõ chức năng nhiệm vụ của từng vị trí công tác (bản mô tả công việc), trên cơ sở đó bố trí lực lượng cán bộ quản lý giám sát tương ứng với số lượng DN KDBH.

- Có cơ chế thu hút các chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm thực tiễn vào làm việc trong cơ quan quản lý nhà nước về BH (đặc biệt là chuyên gia quản trị rủi ro, chuyên gia đầu tư) để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện phát triển và hội nhập KTQT.

- Tổng kết lại thực tiễn quản lý, rà soát các thủ tục như cấp phép, thẩm định hồ sơ, phê chuẩn đăng ký sản phẩm, các thủ tục khác như thay đổi vốn, mở rộng nội dung và phạm vi hoạt động... Bỏ bớt những thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết, cải tiến phương thức xét duyệt sao cho thuận tiện, nhanh gọn nhưng vẫn đúng qui định của pháp luật. Một số thủ tục có thể thực hiện bằng hình thức giao dịch điện tử.

- Phương thức quản lý phải thực hiện tăng quyền chủ động và tính tự chịu trách nhiệm cho các DN về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các qui định của pháp luật, các vấn đề về nội dung báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về hoạt động KDBH, nhất là các vi phạm về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo chưa đủ tiêu chuẩn, các vi phạm về hoạt động đại lý, môi giới BH, vi phạm về cạnh tranh không lành mạnh...

- Tăng cường phương thức quản lý giám sát thông qua các chỉ tiêu về hoạt động của DN. Xây dựng hệ thống phân tích tự động hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá và cảnh báo sớm nguy cơ của DNBH. Đến năm 2019 áp dụng khoảng 80% và đến 2020 áp dụng đầy đủ các chuẩn mực quản lý giám sát do IAIS quy định. Nhà nước cần xúc tiến việc thành lập cơ quan độc lập trực thuộc Chính phủ để giám sát hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính và chuyên Cục quản lý giám sát bảo hiểm thành một bộ phận trực thuộc cơ quan này.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Kể từ năm 2000 đến nay, hệ thống luật có liên quan đến các vấn đề quy định tại Luật KDBH đã thay đổi, Vì vậy, các quy định về hình thức DNBH cũng cần được quy định rõ trong Luật KDBH.

Dịch vụ bảo hiểm thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ, đây là lĩnh vực kinh doanh rủi ro và nhạy cảm. Vì vậy, những nguyên tắc quản lý thận trọng (như quản trị đối với doanh nghiệp, quản lý giám sát) cần được quy định rõ ràng hơn, một mặt tạo sự chủ động cho doanh nghiệp trong việc kinh doanh theo cơ chế thị trường, mặt khác cần tăng cường quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

Từ các lý do nêu trên, việc ban hành nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trong lĩnh vực kinh doanh tại là cần thiết, không chỉ đáp ứng yêu cầu khách quan của nền kinh tế mà còn thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đáp ứng nhu cầu hội nhập và tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

KẾT LUẬN

Môi trường pháp lý và môi trường kinh doanh từng bước được cải thiện, thị trường đã phát triển về quy mô kết cấu, tốc độ tăng trưởng khá cao. Tuy nhiên so với các nước trong khu vực vẫn là thị trường chưa phát triển. Nếu đánh giá một cách tổng thể, toàn diện thì hoạt động KDBH Quảng Trị phát triển chưa cơ bản, chưa vững chắc, chưa đồng bộ và đặc biệt là còn một số nguy cơ tiềm ẩn và thiếu tính minh bạch. Kết cấu hạ tầng cơ sở về bảo hiểm còn nhiều bất cập. Năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý, NNL, năng lực tái bảo hiểm, hiệu quả đầu tư... còn hạn chế. Đặc biệt từ năm 2012 đến nay tốc độ tăng trưởng của KDBH đang có chiều hướng giảm sút.

Từ những thực tế đó, trong thời gian tới KDBH Quảng Trị rất cần có những giải pháp mang tính đột phá nhằm phát triển một cách toàn diện đồng bộ và vững chắc đáp ứng tốt những yêu cầu phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng của nền KT. Trên cơ sở những yêu cầu đó luận án đã đưa ra những quan điểm, định hướng và giải pháp phát triển KDBH đến năm 2020. Trong đó có ba nhóm giải pháp đó là: (1) Hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước về KDBH; (2) Đổi mới và cải thiện môi trường kinh doanh; (3) Giải pháp cho các thành viên tham gia KDBH.